

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
Mã chứng khoán : STB

BIỂU SỐ: B03/TCTD
Ban hành theo QĐ số 18/2007/QĐ-NHNN
ngày 18/04/2007 của Thống đốc NHNN VN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

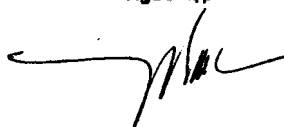
Quý IV Năm 2010

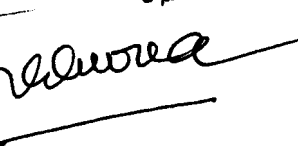
Đơn vị tính : VNĐ

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.14	3,464,270,961,401	1,943,953,889,021	10,844,435,618,830	6,768,841,907,875
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.15	2,354,533,794,396	1,354,549,347,146	7,531,960,926,369	4,610,801,392,600
I	Thu nhập thuần từ lãi		1,109,737,167,005	589,404,541,875	3,312,474,692,461	2,158,040,515,275
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		538,623,880,808	251,196,646,218	1,173,375,200,399	836,626,537,341
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		100,720,416,172	45,554,281,832	247,692,323,555	140,187,606,323
II	Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ		437,903,464,636	205,642,364,386	925,682,876,844	696,438,931,018
III	Lãi lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.16	(407,243,700,965)	67,317,668,393	(172,619,901,704)	282,231,497,483
IV	Lãi lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.17	7,521,253,617	14,709,615,311	(41,705,707,284)	(35,775,796,397)
IV	Lãi lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.18	(96,825,561,680)	307,176,201,052	(96,190,690,256)	350,633,576,369
5	Thu nhập từ hoạt động khác		358,901,133,010	(35,351,227,031)	479,237,216,369	26,835,349,035
6	Chi phí hoạt động khác		328,330,888,501	37,683,959,141	377,689,484,207	94,325,214,743
VI	Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác		30,570,244,509	(73,035,186,172)	101,547,732,162	(67,489,865,708)
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.19	92,978,917,761	102,620,022,000	574,953,909,167	259,646,261,993
VIII	Chi phí hoạt động	VI.20	588,392,948,520	525,338,842,124	1,945,028,509,587	1,462,000,329,969
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro tín dụng		586,248,838,363	688,496,384,720	2,669,114,401,803	2,181,724,790,044
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		89,706,291,065	91,009,080,515	243,258,064,721	280,714,555,317
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		496,542,547,298	597,487,304,205	2,425,856,337,082	1,901,010,234,727
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		202,469,610,842	120,976,203,384	627,298,752,107	416,598,859,411
8	Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại		-	-	-	-
XII	Chi phí thuế TNDN		202,469,610,842	120,976,203,384	627,298,752,107	416,598,859,411
XIII	Lợi nhuận sau thuế		294,072,936,456	476,511,100,821	1,798,558,584,975	1,484,411,375,316
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số					
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)					

Người lập

Kế toán trưởng

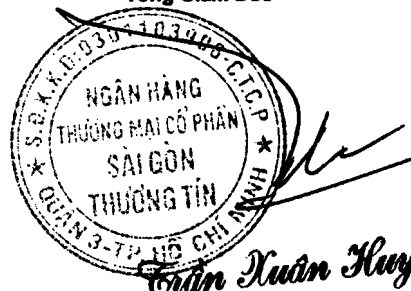

Hoàng Đình Nhân



Lê Hùng Cường

TP.HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám Đốc


Trần Xuân Huy